

Số: 3218/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 07 tháng Năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật
trên địa bàn huyện giai đoạn 2013-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật tỉnh Bình Định giai đoạn 2013-2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Lao động - TB&XH huyện tại Tờ trình số 183/TTr-LĐTĐTBXH ngày 30/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn huyện giai đoạn 2013-2020.

Điều 2. Giao Trưởng phòng Phòng Lao động - TB&XH căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các cơ quan ban, ngành, hội đoàn thể liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện. Thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện cho lãnh đạo UBND huyện biết để có chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Lao động - TB&XH huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở LĐTB&XH (b/cáo);
- TT Huyện ủy (b/cáo);
- CT và PCT UBND huyện (đ/c Hiếu);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

KẾ HOẠCH

Trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn huyện giai đoạn 2013-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3218/QĐ-UBND

ngày 07/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện)

Thực hiện Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật tỉnh Bình Định giai đoạn 2013-2020.

Để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, UBND huyện xây dựng Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2013- 2020 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG THỜI GIAN QUA

I. THỰC TRẠNG NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Tuy Phước là một huyện đồng bằng nằm về phía Đông Bắc của thành phố Quy Nhơn, có diện tích 217,12 km², dân số 185.364 người, kinh tế của huyện chủ yếu là nông nghiệp, thu nhập bình quân theo đầu người còn thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Theo kết quả điều tra, khảo sát một số vấn đề liên quan đến người khuyết tật (sau đây gọi tắt là NKT) tại thời điểm 01/01/2008, toàn huyện có 3.493 NKT (*chưa tính số NKT là thương bệnh binh*), chiếm tỷ lệ 1,88% dân số, trong đó: nam 1.958 người, chiếm tỷ lệ 56,05 NKT, nữ 1.535 người, chiếm tỷ lệ 43,95 NKT.

- Về nguyên nhân: Khuyết tật gây nên từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: có 45,20% do tật bẩm sinh, 32,15% do bệnh tật, 9,30% do hậu quả chiến tranh và 13,35% do nguyên nhân khác.

- Chia theo dạng tật: Tật về nhìn: 580 người (16,60%), nghe: 184 người (5,27%), vận động: 1.393 người (39,88%), giao tiếp: 342 người (9,79%), nhận thức một vấn đề: 792 người (22,67%), tự chăm sóc: 202 người (5,78%).

NKT sống đều khắp ở các vùng trên địa bàn huyện, đa số họ có hoàn cảnh khó khăn, không khả năng lao động, một số người không khả năng tự phục vụ, đời sống kinh tế của hộ gia đình có NKT có thu nhập thấp. NKT có nhiều hạn chế về sức khỏe, khó khăn trong tiếp cận giao thông, các dịch vụ công cộng, chăm sóc y tế, học văn hóa, học nghề, tìm việc làm, hôn nhân gia đình và các hoạt động xã hội; phần lớn NKT có tư tưởng tự ti, an phận, chưa tích cực hòa nhập tiếp cận các dịch vụ trợ giúp, còn nhiều hạn chế trong tham gia lao động sản xuất tạo thu nhập ổn định cuộc sống, phương tiện sinh hoạt chuyên dùng còn rất nhiều khó khăn thiếu thốn, do vậy họ gặp nhiều trở ngại về đi lại và giao tiếp với cộng đồng, xã

hội. Tuy nhiên, cũng đã có không ít NKT đã vượt qua nỗi đau, bất hạnh, phấn đấu lao động, tạo thu nhập phục vụ bản thân và gia đình.

Trong những năm qua, do tác động khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, tình trạng lạm phát liên tục tăng nên tình hình kinh tế cả tỉnh nói chung và của huyện nói riêng gặp rất nhiều khó khăn song được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Huyện ủy, UBND huyện, sự phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, Mặt trận, hội, đoàn thể các cấp và UBND các xã, thị trấn nên công tác trợ giúp NKT đã đạt được những kết quả khả quan, tạo nên tầm quan trọng trong việc lồng ghép công tác hỗ trợ NKT vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần nâng cao đời sống NKT, giảm nghèo cho một bộ phận NKT, góp phần ổn định xã hội và phát triển bền vững.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỢ GIÚP

1. Kết quả đạt được

Được sự quan tâm của Huyện ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN huyện, các hội đoàn thể huyện, các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư và gia đình đối với NKT và hiệu quả việc thực hiện các chính sách trợ giúp NKT trên địa bàn huyện đã đạt những kết quả sau:

- Đã thực hiện chi trả trợ cấp tại cộng đồng cho 3.073 NKT và 417 hộ gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc NKT theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ, với tổng số tiền chi trả hàng tháng gần 1.100 triệu đồng; hàng năm trẻ em khuyết tật được tổ chức khám phân loại, phẫu thuật, cấp dụng cụ chỉnh hình, học sinh khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn đang đi học được hỗ trợ miễn, giảm học phí, hỗ trợ mua sách vở, đồ dùng học tập và các khoản đóng góp xây dựng trường; NKT nghèo ở nhà ở đơn sơ, tạm bợ được hỗ trợ kinh phí xây dựng lại nhà ở. Ngoài ra, nhân các ngày lễ, tết được các cấp, các ngành đã thăm và tặng quà cho các đối tượng khuyết tật, với tổng số tiền trên 150 triệu đồng/năm,...

- Bên cạnh đó, trong thời gian qua đã có nhiều tổ chức, cá nhân, đơn vị xã hội từ thiện trong, ngoài huyện cùng chung tay góp sức với huyện tham gia các hoạt động trợ giúp NKT về kinh phí, vật chất, phương tiện, kỹ thuật, vốn vay,... cụ thể từ năm 2006 đến tháng 6 năm 2013 đã cấp 168 chiếc xe lăn, xe lắc, mô miễn phí cho 157 lượt người nghèo, phẫu thuật 106 em dị tật, mắc bệnh tim bẩm sinh; 106 NKT được cấp dụng cụ chỉnh hình; dạy nghề cho gần 150 NKT; hỗ trợ xóa 04 hộ nghèo có NKT ở nhà ở đơn sơ,... góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần NKT. Một số NKT cũng đã chủ động vượt khó vươn lên, khẳng định bản thân, trở thành những tấm gương NKT tiêu biểu điển hình, tạo niềm tin và điều kiện thuận lợi để họ phát huy khả năng, hòa nhập cộng đồng.

2. Công tác xây dựng và phát triển tổ chức Hội

Hiện nay, trên địa bàn huyện đã thành lập và đi vào hoạt động Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin, Hội Người mù và 01 Chi hội Hội Bảo trợ Người tàn tật và trẻ mồ côi Đoàn kết, trong đó có 04 phân hội trực thuộc Chi hội với 315 hội viên đang sinh hoạt.

3. Đánh giá chung



a) Thuận lợi

Trong những năm qua dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, các ban ngành, hội đoàn thể, các nhà hảo tâm cùng phối hợp thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với NKT, việc cải thiện đời sống của NKT ngày càng được nâng cao, từng bước tạo điều kiện để NKT tham gia bình đẳng các hoạt động xã hội, góp phần giúp cho nhiều NKT vượt khó vươn lên, tự lực trong cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

b) Khó khăn

Bên cạnh những kết quả thuận lợi nêu trên, trong quá trình triển khai thực hiện chính sách trợ giúp NKT vẫn còn những khó khăn, tồn tại:

- Công tác quản lý nhà nước về NKT chưa chặt chẽ, nhất là ở cơ sở. Còn một số NKT có hoàn cảnh khó khăn và có nhu cầu cần được các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội giúp đỡ. Công tác phối hợp, tổ chức, quản lý, điều hành giữa các ban, ngành, hội đoàn thể về việc trợ giúp NKT chưa tích cực, chưa thường xuyên trong quá trình thực hiện.

- Hoạt động tuyên truyền về công tác chăm sóc trợ giúp NKT chưa thực hiện thường xuyên, việc đưa tin còn chung chung một số hoạt động nhân các ngày lễ, Tết,... chưa đi vào chiều sâu.

- Khối lượng công việc ngày càng phát sinh nhưng cán bộ làm công tác này chưa mang tính chuyên trách, còn kiêm nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn trong công tác xã hội trợ giúp NKT, kinh phí hoạt động còn hạn chế.

- Các cơ sở hạ tầng như trường học, công trình công cộng, giao thông, nhà ở,... thiết kế, xây dựng chưa phù hợp cho NKT tham gia.

- Ngân sách nhà nước đầu tư cho việc trợ giúp NKT còn hạn chế, việc huy động nguồn lực thực hiện công tác này còn nhiều khó khăn.

- Một số NKT và gia đình của họ còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp của Nhà nước, bản thân NKT còn mặc cảm, tự ti, chưa chủ động vượt khó vươn lên chiến thắng bệnh tật, hòa nhập cộng đồng.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2013 - 2020

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010.
2. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.
3. Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;
4. Thông tư liên tịch số 48/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/4/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - TB&XH quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;

5. Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật tỉnh Bình Định giai đoạn 2013-2020.

II. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Thúc đẩy thực hiện Luật Người khuyết tật nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của NKT; tạo điều kiện để NKT tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội; xây dựng môi trường không rào cản bảo đảm quyền lợi hợp pháp của NKT và hỗ trợ NKT phát huy khả năng của mình, tạo cơ hội, điều kiện và môi trường thuận lợi để NKT hoà nhập cộng đồng, bình đẳng trong mọi hoạt động, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của NKT.

- Hỗ trợ NKT phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân, tạo điều kiện để NKT vươn lên, tham gia các hoạt động kinh tế xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng và xã hội.

b) Một số chỉ tiêu cụ thể

*** Giai đoạn 2014 - 2015**

- Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và của cộng đồng xã hội về công tác trợ giúp NKT;

- 100% NKT được cấp giấy chứng nhận khuyết tật; 100% NKT đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước được giải quyết hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên và các chế độ trợ giúp khác theo quy định.

- 75% số NKT được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 10% trẻ sơ sinh được sàng lọc phát hiện sớm 02 bệnh thiếu men G6PD và thiếu năng giáp bẩm sinh để có kế hoạch can thiệp sớm; tạo điều kiện cho trẻ em và NKT được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp;

- Có ít nhất 80% trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục dưới mọi hình thức;

- 50% NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được phục hồi chức năng lao động, học nghề và tạo việc làm phù hợp;

- Phân đầu 15% NKT được trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

- Phân đầu 50% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật; 20% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động, luyện tập thể dục, thể thao và vui chơi giải trí;

- 80% gia đình NKT thuộc hộ nghèo, đang ở nhà cấp 4 xuống cấp hư hỏng nặng được hỗ trợ xây nhà tình thương, nhà đại đoàn kết;

- 80% NKT được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu;

- 60% cán bộ làm công tác trợ giúp NKT được tập huấn, nâng cao năng lực về quản lý, chăm sóc, hỗ trợ, tổ chức điều hành, phối hợp liên ngành và giám

sát, đánh giá trong công tác trợ giúp NKT; 40% gia đình có NKT được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho NKT; 30% NKT được tập huấn các kỹ năng sống;

- Điều tra khảo sát thông tin về NKT trên địa bàn huyện để thực hiện các chính sách trợ giúp kịp thời, đồng thời để tiếp tục thực hiện kế hoạch trợ giúp NKT giai đoạn 2016-2020.

*** Giai đoạn 2016 - 2020**

- 100% NKT được cấp giấy chứng nhận khuyết tật; 100% NKT đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước được giải quyết hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên và các chế độ trợ giúp khác;

- 80% số NKT được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 20% trẻ sơ sinh được sàng lọc phát hiện sớm 02 bệnh thiếu men G6PD và thiếu năng giáp bẩm sinh để có kế hoạch can thiệp sớm; tạo điều kiện cho trẻ em và NKT được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp;

- 85% số trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục dưới mọi hình thức;

- 70% NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được phục hồi chức năng lao động, học nghề và tạo việc làm phù hợp;

- 100% NKT được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu;

- 40% NKT được trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

- Phần đầu 70% NKT có năng khiếu phát triển tài năng về văn hóa - thể thao được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật; 30% NKT được hỗ trợ tham gia các hoạt động, luyện tập thể dục, thể thao và vui chơi giải trí;

- 100% cán bộ làm công tác trợ giúp NKT được tập huấn, nâng cao năng lực về quản lý, chăm sóc, hỗ trợ, tổ chức điều hành, phối hợp liên ngành và giám sát, đánh giá trong công tác trợ giúp NKT; 50% gia đình có NKT được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho NKT; 40% NKT được tập huấn các kỹ năng sống.

2. Đối tượng thực hiện

- Tất cả NKT trên địa bàn huyện theo quy định của Luật Người khuyết tật, trong đó ưu tiên đối tượng NKT là phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người thuộc diện hộ nghèo.

- Hộ gia đình có NKT.

- Cán bộ làm công tác trợ giúp NKT.

3. Phạm vi, thời gian thực hiện

- Các hoạt động của Kế hoạch được thực hiện trên phạm vi toàn huyện.

- Thời gian thực hiện từ năm 2014 đến 2020. Chia thành 2 giai đoạn: Giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Tăng cường công tác tuyên truyền Luật Người khuyết tật và những chủ trương, chính sách, chương trình trợ giúp NKT trên các phương tiện thông tin đại chúng để làm chuyển biến nhận thức người dân hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng của việc phát hiện sớm, can thiệp sớm và các biện pháp phòng ngừa khuyết tật để từ đó đầu tư đúng mức cho công tác phát hiện sớm, can thiệp sớm và các biện pháp phòng ngừa khuyết tật; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống bạo lực, chống phân biệt đối xử đối với NKT nhất là người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em khuyết tật; tổ chức thăm hỏi, tặng quà và các hoạt động nhân các dịp lễ, tết, ngày kỷ niệm,...

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện trợ giúp NKT hằng năm, lồng ghép với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để giúp NKT hòa nhập cộng đồng; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả kế hoạch trợ giúp NKT.

3. Tăng cường sự tham gia của người dân, đặc biệt là NKT thực hiện kế hoạch trợ giúp NKT. Khuyến khích người dân, nhất là NKT tham gia vào việc thực hiện Kế hoạch trợ giúp NKT từ việc xác định triển khai các hoạt động, quản lý nguồn lực đảm bảo tính công bằng và minh bạch.

4. Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ NKT các cấp. Xây dựng đội ngũ nhân viên công tác xã hội theo Đề án nghề công tác xã hội. Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ và đội ngũ cộng tác viên trong lĩnh vực trợ giúp NKT, tập huấn các kỹ năng sống cho NKT; theo dõi, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức hội, nhóm tự lực của NKT; kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Kế hoạch và tổ chức sơ, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm.

5. Tiếp tục tăng cường và đổi mới phương thức huy động, vận động nguồn lực để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của kế hoạch như huy động ngân sách nhà nước, vận động các tổ chức kinh tế, xã hội, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân trong và ngoài nước; lồng ghép hoạt động trợ giúp NKT vào các chương trình kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Phối hợp tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng NKT và công tác chăm sóc, trợ giúp NKT trên địa bàn huyện; hoạch định các mục tiêu, chỉ tiêu trợ giúp NKT phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng NKT.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và nguồn kinh phí vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả, UBND huyện giao trách nhiệm cho các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn thực hiện như sau:

1. Phòng Lao động-TB&XH huyện: Chủ trì tham mưu cho UBND huyện trong công tác quản lý nhà nước về NKT trên địa bàn huyện, lồng ghép các hoạt động trợ giúp NKT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Thực hiện chính sách trợ giúp NKT và các chế độ trợ cấp khác theo đúng quy định; Tham mưu thành lập Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi huyện; tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác trợ giúp NKT trên địa bàn; xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm, đảm bảo cho Kế hoạch hoạt động đúng theo quy định và kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện và Sở Lao động - TB&XH.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Bố trí nguồn kinh phí thường xuyên để thực hiện kế hoạch này theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

3. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện: Tổ chức thực hiện hoạt động phát hiện, can thiệp sớm, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NKT, phẫu thuật, chỉnh hình và cung cấp dụng cụ trợ giúp NKT.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp NKT tiếp cận giáo dục; thực hiện chính sách miễn giảm học phí, các khoản đóng góp xây dựng trường cho học sinh khuyết tật theo đúng quy định.

5. Phòng Văn hóa - Thông tin và Đài Truyền thanh huyện: Phối hợp tổ chức thực các hiện hoạt động hỗ trợ NKT trong hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí. Chủ động xây dựng các chương trình chuyên đề về NKT, tuyên truyền phổ biến Luật Người khuyết tật và các chính sách pháp luật có liên quan đến NKT.


6. Phòng Tư pháp huyện: Phối hợp với cơ quan trợ giúp pháp lý tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NKT.

7. Các phòng, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, triển khai thực hiện nội dung của Kế hoạch theo lĩnh vực có liên quan.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ, Liên đoàn Lao động, Chi Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Đoàn kết huyện, Hội Nạn nhân chất độc da cam, Hội Người mù trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về trợ giúp NKT. Phối hợp với chính quyền các cấp vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện hỗ trợ, giúp đỡ NKT để họ vươn lên làm chủ cuộc sống.

9. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Căn cứ Kế hoạch của huyện, các xã, thị trấn xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hàng năm về trợ giúp NKT trên địa bàn. Chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện kế hoạch ở địa phương. Định kỳ 06 tháng, 01 năm báo cáo cho UBND huyện và Phòng Lao động - TB&XH để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn huyện giai đoạn 2013 - 2020, yêu cầu thủ trưởng các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về UBND huyện (qua Phòng Lao động-TB&XH), để kịp thời hướng dẫn thực hiện./.


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Phạm Tích Hiếu